

ChS, ngày 23 tháng 7 năm 2018

Số: 59/2018/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Puih S, sinh năm 1996

Địa chỉ: Làng A, xã G, thành phố P, tỉnh GL.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn T H, xã CP, huyện CS, tỉnh GL.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Puih S và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Puih S và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung cháu Puih Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 29/4/2016. Chị S và anh Đ thống nhất thoả thuận giao cháu Ph cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Vì lợi ích của con chung Chị Puih S và anh Nguyễn Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; anh Đông có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở việc anh thực

hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Puih S và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận giải quyết được toàn bộ nội dung vụ án nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị S và anh Đ mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị S tự nguyện nộp thay phần án phí mà anh Đ phải nộp nên phần án phí mà chị S phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007476 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả cho chị Puih S số tiền tạm ứng án phí chênh lệch còn lại là 150.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- UBND xã Gào, thành phố Plei Ku (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

